

ĐÁP ÁN - HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT
ĐỀ THI THỬ THPT QG MÔN GDCD – LẦN 1
TRƯỜNG THPT HÀN THUYỀN BẮC NINH

NĂM HỌC: 2017 - 2018

THỰC HIỆN: CÔ TRẦN THỊ HÀ GIANG – GV TUYENSINH247.COM

BẢNG ĐÁP ÁN

1B	2C	3C	4C	5A	6D	7D	8C	9D	10B
11B	12A	13D	14A	15C	16B	17D	18B	19B	20A
21A	22A	23C	24C	25C	26D	27D	28B	29D	30C
31D	32B	33A	34A	35D	36B	37A	38B	39C	40B

Câu 1. Đáp án C và D thuộc quy phạm đạo đức không thuộc quy phạm pháp luật. Đáp án A là thuộc về vi phạm dân sự. Đáp án đúng: B

Câu 2. Đáp án đúng C. Nội dung bình đẳng giữa vợ và chồng trong quan hệ nhân thân bao gồm:

- + Quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong lựa chọn nơi cư trú
- + giữ gìn danh dự nhân phẩm
- + Tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo
- + Giúp đỡ nhau cùng phát triển
- + Bình đẳng trong quyết định sử dụng biện pháp kế hoạch hóa gd
- + Sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của PL. (phù hợp nội dung đáp án C)

Câu 3. Đáp án C vì theo Điều 9 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ tài chính đã quy định rất rõ: Các khoản giảm trừ gia cảnh thuế TNCN cũng như các mức giảm trừ gia cảnh cho bản thân và người phụ thuộc.

Các khoản giảm trừ gia cảnh:

Mức giảm trừ gia cảnh: - Đối với bản thân là 9 triệu đồng/tháng, 108 triệu đồng/năm.

- Đối với mỗi người phụ thuộc là 3,6 triệu đồng/tháng. - Các khoản giảm trừ trên là là số tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công của người nộp thuế là cá nhân cư trú.

- Nếu cá nhân cư trú vừa có thu nhập từ kinh doanh, vừa có thu nhập từ tiền lương, tiền công thì tính giảm trừ gia cảnh một lần vào tổng thu nhập từ kinh doanh và từ tiền lương, tiền công. **Nguyên tắc tính giảm trừ gia cảnh:** + **Giảm trừ gia cảnh cho bản thân người nộp thuế:**

- NNT có nhiều nguồn thu nhập từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh thì tại một thời điểm (tính đủ theo tháng) NNT lựa chọn tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân tại một nơi. - Đối với người nước ngoài là cá nhân cư trú tại Việt Nam được tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân từ tháng 01 hoặc từ tháng đến Việt Nam (Trong trường hợp cá nhân lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam đến tháng kết thúc hợp đồng lao động và rời Việt Nam trong năm tính thuế (được tính đủ theo tháng)). - Nếu trong năm tính thuế cá nhân chưa giảm trừ cho bản thân hoặc giảm trừ cho bản thân chưa đủ 12 tháng thì được giảm trừ đủ 12 tháng khi thực hiện quyết toán thuế.

+ Giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc:

- Người phụ thuộc phải làm thủ tục đăng ký với cơ quan thuế để được cấp mã số thuế và phải có Hồ sơ chứng minh người phụ thuộc.

Lưu ý: Mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ một lần vào một người nộp thuế trong năm tính thuế.

Theo điểm d khoản 1 điều 9 Thông tư 111/2013/TT-BTC, người phụ thuộc bao gồm:

- Con: con đẻ, con nuôi hợp pháp, con ngoài giá thú, con riêng của vợ, con riêng của chồng, cụ thể:

+ Con dưới 18 tuổi (tính đủ theo tháng).

+ Con từ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật, không có khả năng lao động.

+ Con đang theo học tại Việt Nam hoặc nước ngoài tại bậc học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, kể cả con từ 18 tuổi trở lên đang học bậc học phổ thông (tính cả trong thời gian chờ kết quả thi đại học từ tháng 6 đến tháng 9 năm lớp 12) không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 1.000.000 đồng.

- Vợ hoặc chồng của người nộp thuế đáp ứng điều kiện tại điểm đ, khoản 1, Điều này.

- Cha đẻ, mẹ đẻ; cha vợ, mẹ vợ (hoặc cha chồng, mẹ chồng); cha dượng, mẹ kế; cha nuôi, mẹ nuôi hợp pháp của người nộp thuế đáp ứng điều kiện tại điểm đ, khoản 1, Điều này.

- Các cá nhân khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế đang phải trực tiếp nuôi dưỡng và đáp ứng điều kiện tại điểm đ, khoản 1, Điều này bao gồm:

+ Anh ruột, chị ruột, em ruột của người nộp thuế.

+ Ông nội, bà nội; ông ngoại, bà ngoại; cô ruột, dì ruột, cậu ruột, chú ruột, bác ruột của người nộp thuế.

+ Cháu ruột của người nộp thuế bao gồm: con của anh ruột, chị ruột, em ruột.

+ Người phải trực tiếp nuôi dưỡng khác theo quy định của pháp luật.

Đối với người trong độ tuổi lao động phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

+ Bị khuyết tật, không có khả năng lao động.

+ Không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 1.000.000 đồng.

Đối với người ngoài độ tuổi lao động phải không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 1.000.000 đồng.

Câu 4. Đáp án C. Vì ***Vi phạm dân sự*** là hành vi trái pháp luật và có lỗi của chủ thể có năng lực trách nhiệm dân sự xâm hại tới các quan hệ tài sản và các quan hệ nhân thân phi tài sản.

Câu 5. Đáp án B.

Câu 6. Đáp án D

Câu 7. Đáp án D. Sản phẩm phải mang trao đổi mua bán trên thị trường mới đủ điều kiện để trở thành hàng hóa.

Câu 8. Đáp án C.

Câu 9. Đáp án D. Pháp luật là phải rõ ràng, có sự chuẩn xác về nội dung bằng các điều, khoản, văn bản quy phạm pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tương xứng.

Yêu cầu cơ bản để bảo đảm tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức của pháp luật cần đáp ứng yêu cầu sau:

- + Xác định mối tương quan giữa nội dung và hình thức của pháp luật;
- + Chuyển tải một cách chính xác những chủ trương, chính sách của Đảng sang các phạm trù, cấu trúc pháp lý thích hợp;
- + Bảo đảm nguyên tắc pháp chế trong hoạt động xây dựng pháp luật;
- + Mỗi văn bản pháp luật phải xác định rõ phạm vi điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, cơ quan có thẩm quyền ra văn bản;
- + Phân định phạm vi, mức độ của hoạt động lập pháp, lập quy.

Câu 10. Đáp án B. Hàng hóa được sản xuất ra, người sản xuất phải bán nó. Việc bán hàng được thực hiện thông qua chức năng thừa nhận của thị trường. Thị trường thừa nhận chính mình là người mua chấp nhận, có nghĩa là về cơ bản quá trình tái xuất xã hội của hàng hóa đã hoàn thành. Bởi bản thân việc tiêu dùng sản phẩm và các chi phí tiêu dùng cũng đã khẳng định trên thị trường khi hàng hóa được bán.

Thị trường chỉ thừa nhận những hàng hóa, dịch vụ nếu nó phù hợp với những đòi hỏi của người tiêu dùng. Những hàng hóa vô dụng, kém chất lượng, cung vượt qua cầu, không cung ứng đúng thời gian và địa điểm của khách hàng đòi hỏi thì sẽ không bán được, nghĩa là chúng không được thị trường chấp nhận.

Câu 11. Đáp án B. Giá ô tô phải giảm vì nhu cầu 70.000 chiếc ô tô nhưng khả năng cung ứng ra thị trường tổng cộng lại lên tới 77427 chiếc ô tô (số lượng xe các hãng sản xuất ra cộng lại). Em xem sản xuất ra 77427 chiếc ô tô chỉ có 70000 người mua còn thừa tận 427 chiếc ô tô nữa thì chẳng phải giảm giá đi để bán được hết 77427 chiếc ô tô.

Câu 12. Đáp án A. Cả ba đáp án B,C,D thì pháp luật và đạo đức đều hội tụ đầy đủ chỉ có đáp án A là tính bắt buộc đối với tất cả mọi người là riêng có của pháp luật.

Câu 13. Đáp án D

Câu 14. Đáp án A Điều 13 Luật bình đẳng giới đã quy định nội dung bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động bao gồm:

1. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác.

2. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh”

Câu 15. Đáp án C

Câu 16. Đáp án B. Bình đẳng trong lao động được hiểu là bình đẳng giữa mọi công dân trong thực hiện quyền lao động thông qua việc tìm kiếm việc làm, bình đẳng giữa người sử dụng lao động và người lao động thông qua hợp đồng lao động, bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ trong từng cơ quan, doanh nghiệp và trong phạm vi cả nước.

Câu 17. Đáp án D. Pháp luật có tính phổ biến, tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức và tính quyền lực bắt buộc chung. Phân tích: quy phạm đạo đức cũng có sự phổ biến toàn xã hội và có câu cú chặt chẽ về mặt hình thức. Còn lại tính quyền lực bắt buộc thì quy phạm đạo đức chủ thể có thể thực hiện hay không tùy vào lương tâm của người đó còn chỉ có ở pháp luật do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh của quyền lực nhà nước, là quy định bắt buộc với tất cả mọi cá nhân, tổ chức, ai cũng phải xử sự theo pháp luật, nếu không sẽ bị áp dụng những biện pháp cần thiết, kể cả cưỡng chế để buộc họ tuân theo hoặc để khắc phục những hậu quả do việc làm trái pháp luật của họ gây nên. Tính quyền lực bắt buộc chung đó làm nên sự khác biệt giữa pháp luật và các quy phạm xã hội quy phạm đạo đức khác.

Câu 18. Đáp án B.

Câu 19. Đáp án B. Vì thời gian B sản xuất 1 chiếc áo mất 4h là **Thời gian lao động cá biệt** là- thời gian lao động của người sản xuất hoặc đơn vị sản xuất để tạo ra một đơn vị hàng hoá.

Câu 20. Đáp án A. Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 quy định “Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

Từ quy định trên đây có thể hiểu, những vi phạm do pháp luật quy định trong các lĩnh vực quản lý nhà nước nhưng chưa đến mức bị xử lý hình sự theo quy định của quy định pháp luật hình sự thì được coi là vi phạm hành chính.

Câu 21. Đáp án A

Câu 22. Đáp án A. Chị A đã thực hiện quyền chủ thể của mình (thực hiện những hành vi mà pháp luật cho phép). Chẳng hạn ký kết hợp đồng, thực hiện các quyền khởi kiện, khiếu nại trong khuôn khổ pháp luật quy định. Ông giám đốc đã thực hiện những qui định pháp luật hoặc chính hành vi của mình căn cứ vào những qui định của pháp luật để ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hay chấm dứt một quan hệ pháp luật.

Câu 23. Theo Điều 12 Bộ luật hình sự:

“1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.

2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.”

Vì tội cướp tài sản là tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng nên em của anh dù 16 tuổi vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi cướp tài sản của mình.

Tuy nhiên vì em của anh mới 16 tuổi nên được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, việc xử lý còn căn cứ theo Điều 69 Bộ luật hình sự, theo đó:

1. Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Trong mọi trường hợp điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của người chưa thành niên, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm.

2. Người chưa thành niên phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự, nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục.

3. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người chưa thành niên phạm tội và áp dụng hình phạt đối với họ được thực hiện chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.

4. Khi xét xử, nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội, thì Tòa án áp dụng một trong các biện pháp tư pháp được quy định tại Điều 70 của Bộ luật này.

5. Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội.

Khi áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội cần hạn chế áp dụng hình phạt tù. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người chưa thành niên phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng.

Không áp dụng hình phạt tiền đối với người chưa thành niên phạm tội ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người chưa thành niên phạm tội

6. Án đã tuyên đối với người chưa thành niên phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.

Câu 24. Đáp án C

Câu 25. Đáp án C

Câu 26. Đáp án D

Câu 27. Đáp án D

Câu 28. Đáp án B.

Câu 29. Đáp án D. Bộ luật Lao động 2012 quy định tại **Điều 4. Chính sách của Nhà nước về lao động**

1. Bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của người lao động; khuyến khích những thoả thuận bảo đảm cho người lao động có những điều kiện thuận lợi hơn so với quy định của pháp luật về lao động; có chính sách để người lao động mua cổ phần, góp vốn phát triển sản xuất, kinh doanh.

2. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động, quản lý lao động đúng pháp luật, dân chủ, công bằng, văn minh và nâng cao trách nhiệm xã hội.

3. Tạo điều kiện thuận lợi đối với hoạt động tạo ra việc làm, tự tạo việc làm, dạy nghề và học nghề để có việc làm; hoạt động sản xuất, kinh doanh thu hút nhiều lao động.

4. Có chính sách phát triển, phân bổ nguồn nhân lực; dạy nghề, đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động, ưu đãi đối với người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

5. Có chính sách phát triển thị trường lao động, đa dạng các hình thức kết nối cung cầu lao động.

6. Hướng dẫn người lao động và người sử dụng lao động đối thoại, thương lượng tập thể, xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ.

7. Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới; quy định chế độ lao động và chính sách xã hội nhằm bảo vệ lao động nữ, lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi, lao động chưa thành niên.

Câu 30. Đáp án C

Câu 31. Đáp án D

Câu 32. Đáp án B. Điều 30 Luật HN&GD năm 2000 quy định:

"1. Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền thương yêu, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con; tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập và giáo dục để

con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.

2. Cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con, ngược đãi, hành hạ, xúc phạm con; không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên; không được xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội."

Câu 33. Đáp án A

Câu 34. Đáp án A vì thuộc tính quy phạm phổ biến của pháp luật thể hiện ở chỗ:

- + Là khuôn mẫu chung cho nhiều người.
- + Được áp dụng nhiều lần trong không gian và thời gian rộng lớn.
- + Làm nên giá trị công bằng bình đẳng của pháp luật

Câu 35. Đáp án D

Câu 36. Đáp án B

Câu 37. Đáp án A

Câu 38. Đáp án B

Câu 39. Đáp án C.

Luật BHXH 2014 quy định: Thời gian hưởng chế độ khi sinh con

(i) LĐ nữ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản trước và sau khi sinh con là 06 tháng. Trường hợp LĐ nữ sinh đôi trở lên thì tính từ con thứ hai trở đi, cứ mỗi con, người mẹ được nghỉ thêm 01 tháng.

Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản trước khi sinh tối đa không quá 02 tháng.

(ii) LĐ nam đang đóng BHXH khi vợ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản như sau:

- 05 ngày làm việc.
- 07 ngày làm việc khi vợ sinh con phải phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi.
- Trường hợp vợ sinh đôi thì được nghỉ 10 ngày làm việc, từ sinh ba trở lên thì cứ thêm mỗi con được nghỉ thêm 03 ngày làm việc.
- Trường hợp vợ sinh đôi trở lên mà phải phẫu thuật thì được nghỉ 14 ngày làm việc.

Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản được tính trong khoảng thời gian 30 ngày đầu kể từ ngày vợ sinh con.

Xem thêm tại Khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 34 Luật BHXH 2014

Câu 40. Đáp án B.

Tuyensinh247.com

Tuyensinh247.com

Tuyensinh247.com

Tuyensinh247.com

Tuyensinh247.com